

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TÔN GIÁO, CÔNG TÁC TÔN GIÁO VỚI VIỆC PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN

TRƯƠNG VĂN HÀ

Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Bình

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội có liên quan và ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Những năm gần đây, trên thế giới cũng như ở nước ta, tôn giáo có chiều hướng phục hồi, phát triển và đặt ra nhiều vấn đề cần được lý giải cả về lý luận cũng như thực tiễn. Do đó, việc tìm hiểu những luận điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo có ý nghĩa quan trọng trong công tác nghiên cứu lý luận, góp phần thực hiện tốt công tác tôn giáo trong giai đoạn hiện nay.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu, vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo một cách sáng tạo, hình thành nên tư tưởng về tôn giáo, công tác tôn giáo phù hợp với điều kiện cụ thể ở Việt Nam, là cơ sở quan trọng để Đảng, Nhà nước ta có các quan điểm, chính sách về công tác tôn giáo phù hợp với thực tiễn và phát huy hiệu quả qua các thời kỳ khác nhau của cách mạng. Tư tưởng của Người về tôn giáo, công tác tôn giáo có nội dung rất phong phú và chứa đựng giá trị khoa học, nhân văn sâu sắc, có thể được khái quát thành một số điểm chính như sau:

Một là, phát huy những giá trị tích cực của các tôn giáo trong đời sống xã hội. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôn giáo là một thành tố của văn hóa, tôn giáo không chỉ mang bản chất nhân đạo, nhân văn mà còn thể hiện bản sắc văn hóa tốt đẹp của con người. Ở trang cuối của cuốn sổ ghi chép những bài thơ trong tập *Nhật ký trong tù* (1942-1943), Người đã viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa

học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa” (1).

Với quan điểm hết sức khách quan và khoa học, xem tôn giáo là một thành tố của văn hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh không tập trung khai thác những điều khác biệt, trái ngược về thế giới quan giữa chủ nghĩa duy vật và tôn giáo, mà Người đã đi tìm những giá trị nhân văn của các tôn giáo để cổ vũ, khích lệ, động viên đồng bào các tôn giáo phát huy những giá trị tích cực đó trong đời sống xã hội, làm cơ sở quan trọng để Đảng, Nhà nước hình thành quan điểm, chính sách đoàn kết đồng bào tôn giáo vì mục tiêu chung của sự nghiệp cách mạng.

Hơn nữa, chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát hiện ra sự tương đồng giữa học thuyết tôn giáo và cách mạng: “Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó, chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho mọi người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên cõi đời này, nếu họ hợp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết” (2). Người cũng đã từng viết: “Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái. Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi. Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa” (3). Bác nói: “Mục tiêu cao cả của Phật Thích Ca

và Chúa Giêsu đều giống nhau: Thích Ca và Giêsu đều muốn mọi người có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng, tự do và thế giới đại đồng” (4).

Nhận rõ những giá trị cao đẹp của Phật giáo, có sự gần gũi, gặp nhau giữa tư tưởng cách mạng với tư tưởng Phật giáo trên những nét lớn, Chủ tịch Hồ Chí Minh bao giờ cũng nhìn Phật giáo với một thái độ trân trọng: “Nhà nước chúng tôi luôn luôn tôn trọng tự do tín ngưỡng, Phật giáo Việt Nam với dân tộc như hình với bóng, tuy hai mà một. Tôi mong các hòa thượng, tăng ni và Phật tử hãy tích cực thực hiện tinh thần từ bi, vô ngã, vị tha trong sự nghiệp cứu nước, giữ nước và giữ đạo để cùng toàn dân sống trong độc lập, tự do, hạnh phúc” (5).

Từ đó, Người đề cao tinh thần khoan dung tôn giáo và luôn khích lệ tinh thần yêu nước của đồng bào theo các tôn giáo khác nhau vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Bản thân Người cũng đã kế thừa rất nhiều khái niệm, phạm trù của đạo đức tôn giáo đối với đạo đức con người, nhất là giáo dục xây dựng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ.

Hai là, đoàn kết tôn giáo, hòa hợp dân tộc. Tôn giáo không chỉ là một hình thái ý thức xã hội, mà còn là một hiện tượng xã hội, giữa tôn giáo và dân tộc có mối quan hệ tương hỗ qua lại, có thể làm tiền đề cho sự tồn tại và phát triển của nhau, tạo nên chỉnh thể thống nhất và bản sắc riêng của mỗi quốc gia, dân tộc. Một trong những tư tưởng đặc sắc và đóng góp to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào sự phát triển lý luận Mác-Lênin về tôn giáo và công tác tôn giáo là đã xác định mục đích cao nhất, nội dung xuyên suốt của công tác tôn giáo ở nước ta là để tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết lương giáo, đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc tôn giáo khác nhau, làm cho “nước vinh, đạo sáng”, “tốt đời, đẹp đạo”, góp phần quan trọng vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc.

Trong nhiều bài nói, bài viết của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định tôn giáo luôn đồng hành, gắn bó với dân tộc, đồng bào các tôn giáo là một bộ phận không thể tách rời của dân

tộc Việt Nam. Theo kết quả điều tra của Người viết, trong tổng số 59 bài nói chuyện, bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện hoặc gửi cho cán bộ, chiến sĩ, đồng bào có liên quan đến tôn giáo do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia tổng hợp thành tài liệu *Về công tác tôn giáo*, phát hành năm 2003, có 45 lần Người đã sử dụng các cụm từ có liên quan đến đoàn kết lương - giáo, như “đoàn kết khăng khít”, “đại đoàn kết”, “đoàn kết chặt chẽ”, “đoàn kết thêm chặt chẽ”, “đoàn kết toàn dân”, “đoàn kết lương giáo”, “đoàn kết nhất trí”,... (6). Điều đó cho thấy, đoàn kết đồng bào có tôn giáo với đồng bào không có tôn giáo, giữa đồng bào theo các tôn giáo khác nhau là tư tưởng nhất quán, xuyên suốt nằm trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là cơ sở quan trọng để Đảng, Nhà nước ta xây dựng các chủ trương, chính sách về công tác tôn giáo.

Với tinh thần đoàn kết lương giáo, hòa hợp dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng, Chính phủ đã tập hợp được đông đảo chức sắc, tín đồ các tôn giáo đoàn kết cùng với Nhân dân cả nước có nhiều đóng góp quan trọng cho sự nghiệp cứu nước, kiến quốc, từ đó xóa dần những mặc cảm, định kiến do lịch sử để lại và âm mưu chia rẽ tôn giáo của các thế lực thù địch.

Ba là, về tôn trọng, bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân. Tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những quan điểm quan trọng trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về tôn giáo và công tác tôn giáo, được thể hiện nhất quán trong lý luận và hoạt động thực tiễn của Người, trở thành nguyên tắc, nền tảng xuyên suốt trong quan điểm, chính sách về công tác tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta qua các thời kỳ. Cũng theo kết quả điều tra của nhóm thực hiện nhiệm vụ, trong tài liệu *Về công tác tôn giáo*, có đến 15 lần Người đề cập đến các cụm từ “tín ngưỡng tự do”, hay “tôn trọng tín ngưỡng” (7).

Ngày 9/9/1952, trên cương vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người đã ban hành *Sắc lệnh số 4* về “Bảo vệ đền chùa, nhà

thờ, trường học, nhà thương và các cơ quan văn hóa, xã hội khác”. Ngày 14/6/1955, Người đã ký *Sắc lệnh 234/SL* về vấn đề quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân, theo đó khẳng định: “Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của Nhân dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy. Mỗi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào” (8).

Năm 1958, khi trả lời câu hỏi của cử tri Hà Nội: “Tiến lên chủ nghĩa xã hội thì tôn giáo có bị hạn chế không?”, Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa nhắc lại thái độ của người cộng sản đối với tôn giáo: “Không. Ở các nước xã hội chủ nghĩa, tín ngưỡng hoàn toàn tự do. Ở Việt Nam ta cũng vậy” (9). Tư tưởng về tôn trọng, bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân của Người nhất quán từ trước đến sau và Người đã thể hiện một cách rất chân thành, cụ thể, trở thành “kim chỉ nam” để Đảng, Nhà nước ta xây dựng các chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến công tác tôn giáo hết sức tiến bộ.

Bốn là, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra những nội dung, nhiệm vụ, giải pháp toàn diện, khoa học để làm tốt công tác tôn giáo, nhằm đoàn kết tôn giáo, phục vụ mục tiêu chung của cách mạng là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đến nay vẫn còn nguyên giá trị lý luận và ý nghĩa thực tiễn.

Về nội dung công tác tôn giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm công tác tuyên truyền, vận động khơi dậy truyền thống yêu nước, ý thức trách nhiệm của đồng bào các tôn giáo đồng hành cùng dân tộc trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Trong *Thư gửi các vị linh mục và đồng bào Công giáo Việt Nam* nhân dịp lễ Noel ngày 25/12/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời khen ngợi, cổ vũ và động viên tinh thần yêu nước của đồng bào Công giáo đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Người đã viết: “Hiện nay toàn quốc đồng bào ta, Công giáo và ngoại Công giáo, đều đoàn kết chặt chẽ, nhất trí đồng tâm như con một nhà, ra sức tranh đấu để giữ gìn nền

độc lập của Tổ quốc ! (10).

Về phương thức công tác vận động chức sắc, tín đồ các tôn giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức linh hoạt, khiêm tốn, chân thành, đúng mực trong việc sử dụng các ngôn từ liên quan đến đức tin của các tôn giáo, cũng như chính bản thân Người có sự hiểu biết sâu sắc về giáo lý, giáo luật, lễ nghi của các tôn giáo.

Trong *Thư gửi Hội Phật tử Việt Nam* ngày 30/8/1947, Người viết: “Nhân ngày lễ Phật rằm tháng Bảy, tôi kính cầu nguyện Đức Phật bảo hộ Tổ quốc và đồng bào ta, và tôi gửi lời thân ái chào các vị trong Hội Phật tử” (11). Trong *Thư gửi đồng bào Công giáo nhân dịp lễ Noel* năm 1955, Người viết: “Tôi thân ái chúc đồng bào Công giáo năm nay được Chúa ban nhiều phước lành và lập nhiều thành tích mới lợi dân ích nước” (12). Cách Người sử dụng các từ, ngữ, như “Đức Phật”, “Chúa”, “phước lành”,... thật hợp lý, gần gũi, có sức truyền, vận động đồng bào các tôn giáo rất lớn.

Muốn thực hiện tốt công tác tôn giáo, theo Người, cần phải nghiên cứu tình hình, sâu sát thực tế (“thật sự ba cùng”). Trong *Bài nói chuyện tại Hội nghị giảm tô và cải cách ruộng đất* ngày 31/10/1955, Người đã căn dặn: “Phải nhớ rằng đại đa số đồng bào Công giáo cũng là nông dân nghèo khổ, cũng bị bóc lột tàn tệ, cũng muốn có cơm ăn, ruộng cày. Nếu ta kiên nhẫn thật sự ba cùng với họ, khéo giác ngộ và tổ chức họ, thì nhất định làm được” (13). Như vậy, phương pháp vận động đồng bào có tôn giáo theo tư tưởng của Người rất ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu, có thể áp dụng ngay vào thực tiễn công tác tôn giáo.

Để làm tốt công tác tôn giáo, Người luôn nhắc nhở các cấp ủy đảng, chính quyền phải thường xuyên chăm lo mọi mặt đời sống cho đồng bào các tôn giáo. Người chỉ rõ: “Nguyên vọng của đồng bào giáo dân là ‘phần xác no ấm, phần hồn thông dong’”. Muốn như thế thì phải ra sức củng cố hợp tác xã, phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho xã viên” (14).

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng luôn coi trọng nhiệm vụ xây dựng và phát huy vai trò của các

cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, các đoàn thể nhân dân và đội ngũ cán bộ, phát triển đảng viên ở địa bàn có tôn giáo. Trong bài nói chuyện với lớp *Chỉnh huấn cán bộ trí thức*, tổ chức từ ngày 15/7 đến 26/9/1953, Người đã trả lời về công tác kết nạp đảng viên là người Công giáo: “Có anh em hỏi một người Công giáo có thể vào Đảng Lao động được không? Có. Người tôn giáo nào vào cũng được, miễn là trung thành, hăng hái làm nhiệm vụ, giữ đúng kỷ luật của Đảng” (15).

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, công tác vận động chức sắc và những người có uy tín trong các tôn giáo cũng chính là yếu tố quyết định sự thành bại của công tác tôn giáo. Sinh thời, Người đã gửi nhiều bức thư riêng cho chức sắc các tôn giáo để hỏi thăm sức khỏe, động viên, cổ vũ và thông qua họ để tranh thủ vận động tín đồ tham gia các công việc của cách mạng. Theo kết quả khảo sát riêng của tác giả bài viết, trong tài liệu *Về công tác tôn giáo*, có 33 lần Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài hoặc gửi thư cho đồng bào các tôn giáo (có 25 lần gửi thư cho đồng bào

Công giáo, trong đó có 7 lần gửi riêng cho các giám mục, linh mục; có 4 lần gửi thư cho Phật giáo và Cao Đài, Hòa Hảo) (16).

Cùng với việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch: “Bảo vệ tự do tín ngưỡng, nhưng kiên quyết trừng trị những kẻ đội lốt tôn giáo đã phản Chúa, phản nước” (17). Đối với những người biết hối cải, Người chủ trương phải khoan dung, độ lượng, mở rộng vòng tay chào đón và họ “sẽ được hoan nghênh rộng rãi như những người con đi lạc mới về” (18).

Nắm vững và tổ chức thực hiện có hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, công tác tôn giáo phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương để từ đó đề ra các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm. Đó chính là cơ sở và điều kiện hết sức quan trọng để các cấp, các ngành trong đó có tỉnh Quảng Bình thực hiện có hiệu quả hơn công tác tôn giáo trong tình hình mới ■

Tài liệu tham khảo:

1. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, Tập 3, tr.458.
2. *Chủ tịch Hồ Chí Minh với đồng bào Công giáo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.325-326.
3. *Chủ tịch Hồ Chí Minh với đồng bào Công giáo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 198.
4. Hồ Chí Minh, *Về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 194.
5. Thích Đức Nghiệp, *Hồ Chủ tịch, một biểu trưng nhân bản Việt Nam, trong đạo Phật Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, tr.321-322.
6. Tài liệu vecongtacongiao.pdf của Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
7. Tài liệu đã dẫn vecongtacongiao.pdf của Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
8. Sắc lệnh 234/SL ngày 14/6/1955 về vấn đề quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân, đăng trên <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Sac-lenh-223-SL-bao-dam-quyen-tu-do-tin-nguong-36762.aspx>.
9. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, Tập 11, tr.405.
10. *Hồ Chí Minh toàn tập*, in lần thứ hai, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, Tập 4, tr.121.
11. *Hồ Chí Minh toàn tập*, in lần thứ hai, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, Tập 5, tr.197.
12. *Hồ Chí Minh toàn tập*, in lần thứ hai, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, Tập 8, tr.99.
13. *Hồ Chí Minh toàn tập*, in lần thứ hai, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, Tập 8, tr.77.
14. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, Tập 10, tr.606.
15. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, Tập 7, tr.115.
16. Tài liệu vecongtacongiao.pdf của Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
17. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, Tập 8, tr.313.
18. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, Tập 5, tr.24.